

Số: 10/2026/QĐCNTTLH

Ninh Bình, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Trần Thị L và anh Bùi Văn D.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025 về việc yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Trần Thị Lê .

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12/01/2026 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Trần Thị Lê S ngày 20/02/1987; địa chỉ thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số 0371870040xx cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người bị kiện: Anh Bùi Văn D sinh ngày 20/8/1989; địa chỉ thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số 0170890001xx cấp ngày 22/6/2022, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải, được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 12/01/2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12/01/2026 cụ thể như sau:

Về ly hôn: Chị L và anh D tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã K ngày 11/3/2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ tháng 5/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, nên xảy ra cãi nhau, đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L và anh D tự nguyện ly hôn nhau.

Về con: Chị L và anh D có 01 con là cháu Bùi Trần Bảo L1 sinh ngày 30/4/2012; chị L và anh D thoả thuận giao cháu L1 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê M tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con..

Về tài sản: Chị L và anh D đều không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4
- UBND xã K;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Văn Lực